TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 185/2022/DS-PT
Ngày 24/5/2022
"*V/v* tranh chấp quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tặng

Các Thẩm phán: Ông Ngô Tấn Lợi

Ông Nguyễn Chí Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Diễm Hương là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20, 24 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2022/TLPT-DS ngày 04 tháng 3 năm 2022, về việc "*Tranh chấp dân sự về quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2022/DS-ST ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 89/2022/QĐ-PT ngày 22 tháng 3 năm 2022, giữa:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Phùng Văn Ng, sinh năm 1962;

1.2. Ông Phùng Văn N1, sinh năm 1967;

1.3. Ông Phùng Văn N2, sinh năm 1970;

1.4. Ông Phùng Văn N3, sinh năm 1972;

1.5. Ông Phùng Văn N4, sinh năm 1975.

Người đại diện hợp pháp của ông Ng, ông N2, ông N3, ông N4: Ông Phùng Văn N, sinh năm 1967. Là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 09/4/2019.

Cùng địa chỉ: Khóm An P, phường An B, thành phố Hồng N, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Võ Thị S, sinh năm 1963;

2.2. Ông Võ Văn V, sinh năm 1973;

2.3. Ông Võ Văn Đ, sinh năm 1978.

Cùng địa chỉ: Khóm An P, phường An B, thành phố Hồng N, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:*

3.1. Ông Lương Văn H (chồng bà S), sinh năm 1968;

3.2. Chị Lương Thị Thúy A (con bà S), sinh năm 1993;

3.3. Chị Lương Thị Thúy H1 (con bà S), sinh năm 1996;

3.4. Chị Phạm Thị Hồng H2 (vợ anh Đ), sinh năm 1984;

3.5. Cháu Võ Hoàng N (con anh Đ), sinh năm 2004;

3.6. Cháu Võ Hoàng K (con anh Đ), sinh năm 2014;

Người đại diện theo pháp luật của cháu Võ Hoàng N, cháu Võ Hoàng K: Anh Võ Văn Đ, sinh năm 1978 và chị Phạm Thị Hồng H2, sinh năm 1984.

3.7. Chị Đặng Thị L (vợ anh V), sinh năm 1979;

3.8. Chị Võ Thị X (con anh V), sinh năm 1998;

3.9. Cháu Võ Anh T (con anh V), sinh năm 2008;

Người đại diện theo pháp luật của cháu Võ Anh T: Anh Võ Văn V, sinh năm 1973 và chị Đặng Thị L, sinh năm 1979.

3.10. Bà Nguyễn Thị Ng1 (vợ ông S) sinh năm 1940 (chết ngày 26/02/2021);

3.11. Ông Võ Văn B (con bà Nghiệp, ông S), sinh năm 1969;

3.12. Chị Võ Thị L1 (con bà Nghiệp, ông S), sinh năm 1971;

3.13. Bà Võ Thị M (con bà Nghiệp, ông S), sinh năm 1965;

3.14. Chị Võ Thị H4 (con bà Nghiệp, ông S), sinh năm 1985;

Cùng địa chỉ: Khóm An P, phường An B, thành phố Hồng N, tỉnh Đồng Tháp.

3.15. Bà Võ Thị M1 (con bà Ng1, ông S), sinh năm 1967;

Địa chỉ: Khóm An H, phường An B, thành phố Hồng N, tỉnh Đồng Tháp.

3.16. Chị Võ Thị Tuyết M1 (con bà Ng, ông S), sinh năm 1983;

Địa chỉ: Khóm, thị trấn Sa R, huyện Tân H, tỉnh Đồng Tháp.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị Ng1:

- Bà Võ Thị S, sinh năm 1963;
- Ông Võ Văn V, sinh năm 1973;
- Ông Võ Văn Đ, sinh năm 1978.
- Ông Võ Văn B, sinh năm 1969;
- *Bà* Võ Thị L, sinh năm 1971;
- Bà Võ Thị M, sinh năm 1965;
- Bà Võ Thị H2, sinh năm 1985;

- Bà Võ Thị M1, sinh năm 1967;

- Bà Võ Thị Tuyết M2, sinh năm 1983.

* Người đại diện hợp pháp cho bà S, ông H, chị A, chị Thúy H, chị H1, bà M, chị L, chị X, ông Đ, ông B, bà L, bà M1, bà H2 và bà M2 là Võ Văn V, sinh năm 1973. Là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 28/4/2022.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông V: Luật sư Đặng Hồng Đ- Văn phòng Luật sư Hồng Đ thuộc đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp.

3.17. Ủy ban nhân dân thành phố Hồng N.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Tấn Đ; Chức vụ: Chủ tịch UBND thành phố Hồng N.

Địa chỉ: Khóm An Thạnh, phường An L, thành phố Hồng N, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Ông Phùng Văn Ng, ông Phùng Văn N1, anh Phùng Văn N2, anh Phùng Văn N2, anh Phùng Văn N3 là nguyên đơn.

Ông N2, ông V, Luật sư có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 5 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là ông Phùng Văn N1 (cũng là người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn khác) trình bày*:

Nguồn gốc đất tranh chấp là của cha, mẹ của các ông tên cụ Phùng Văn C (C - sinh năm 1926, chết 1999) và cụ Nguyễn Thị M (sinh năm 1935, chết 2003) chuyển nhượng của cụ Dương Văn D (đã chết) vào khoảng 1950, chiều ngang 20m, chiều dài 325m với giá 06 chỉ vàng 24kara, 9,8 tuổi. Khi nhận chuyển nhượng, do cụ cập và cụ M chưa trả đủ vàng nên hai bên không làm giấy tờ với nhau. Đến năm 1991, cha mẹ các ông trả đủ vàng, nên hai bên có làm "tờ sang nhượng đất thổ cư" xác lập văn tự từ năm 1991, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã An Bình.

Khoảng năm 1986 đến năm 1987, gia đình ông bà Bảy S (cụ Võ Văn S) quê quán Campuchia về Việt Nam sinh sống, tự ý bao chiếm đất, cất nhà ở và quản lý sử dụng trên quyền sử dụng đất của cha mẹ các ông khoảng ngang 19m, dài 44m. Trong quá trình sử dụng đất, năm 2000 cụ Sàng cho con gái là bà Võ Thị S cất nhà, ông Võ Văn V cất nhà ở từ năm 2009 và ông Võ Văn Đ chung sống một nhà với vợ chồng cụ S từ năm 1986 – 1987, ngoài ra còn có cây ăn trái và các vật kiến trúc khác. Từ khi vợ chồng cụ Sàng cùng các con sinh sống trên đất này, gia đình các ông đã tranh chấp liên tục nhưng không được xem xét, giải quyết.

Ông Phùng Văn Ng, ông Phùng Văn N1, anh Phùng Văn N2, anh Phùng Văn N3, anh Phùng Văn N4 khởi kiện yêu cầu bà Võ Thị S, ông Võ Văn V và ông Võ Văn Đ tháo dỡ, di dời nhà, vật kiến trúc để trả lại toàn bộ diện tích đất 870,8m^2 (trong đó có nhà bà Võ Thị S diện tích 103m^2, nhà ông Võ Văn V diện tích 86,9m^2, nhà ông Võ Văn Đ diện tích 63,7m^2, còn lại là chuồng gà, cây cối và đất trống có diện tích 635,2m^2). Đồng thời các ông yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Võ Văn S, bà Võ Thị S.

** Theo văn bản ghi ý kiến đề ngày 14 tháng 6 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Võ Thị S, ông Võ Văn V (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Võ Văn Đ trình bày*:

Cụ Võ Văn S, sinh năm 1935, chết 2012 (là con Liệt sĩ) và cụ Nguyễn Thị Ng1 sinh 1940, (chết 2021) là cha, mẹ của các ông, bà trước năm 1975 sinh sống ở Campuchia. Khi miền Nam giải phóng, đất nước thống nhất, gia đình cụ S từ Campuchia về Việt Nam sinh sống, không có đất cất nhà, nên năm 1983, Nhà nước có chủ trương cấp đất cho gia đình chính sách. Cụ S và cụ Ng được cấp phần đất chiều ngang 21m, chiều dài 54m, diện tích theo đo đạc thực tế là 870,8m^2 (mảnh trích đo địa chính số 20-2019). Gia đình cụ S quản lý, sử dụng ổn định từ năm 1983 cho đến nay, không ai tranh chấp. Quá trình sử dụng, cụ S đóng thuế đất ở hàng năm cho Nhà nước đầy đủ. Năm 1997 ông V xây cất nhà, năm 2006 bà S xây cất nhà, ông Võ Văn Đ chung sống với vợ chồng cụ S từ năm 1983 đến nay. Đến năm 2000, cụ Sàng được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 6.975m^2 (trong đó có diện tích 870,8m^2 đang tranh chấp). Năm 2006, thực hiện việc đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên phần đất được tách thành 04 thửa 536, 537, 538, 539. Cụ S cho bà S phần đất thửa 536, 537, diện tích theo đo đạc thực tế là 258,2m^2, tờ bản đồ số 21. Thửa 538, 539 cụ S đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, năm 2012, cụ S chết, nhưng thực tế cụ S đã cho gia đình Võ Văn V, Võ Văn Đ quản lý, sử dụng. Phần đất 870,8m^2 gia đình các ông, bà đã ở ổn định từ năm 1983 đến nay. Các nguyên đơn cho rằng quyền sử dụng đất này là ông Phùng Văn C (cha của các nguyên đơn) nhận chuyển nhượng của ông Dương Văn D. Tuy nhiên, tờ sang nhượng mặc dù có ghi tứ cận nhưng không có sơ đồ đo đạc cụ thể, theo tờ sang nhượng thì quyền sử dụng đất hướng Tây giáp Quốc lộ 30, còn quyền sử dụng đất của gia đình ông, bà hướng Đông giáp Quốc lộ 30. Bà S, ông V, ông Đ không thống nhất với nội dung trong "tờ sang nhượng đất thổ cư", việc khởi kiện của các nguyên đơn không đúng vị trí đất, nên không đồng ý trả lại đất theo yêu cầu các nguyên đơn.

Hiện nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gia đình không thế chấp tổ chức tín dụng hay cá nhân nào khác để vay vốn.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thành phố Hồng N có có ý kiến trình bày*:

Qua kiểm tra, rà soát Ủy ban nhân dân thành phố Hồng N không có ý kiến, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại quyết định bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2022/DS-ST ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự đã tuyên xử:

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Phùng Văn Ng, ông Phùng Văn N1, ông Phùng Văn N2, ông Phùng Văn N3 và ông Phùng Văn N4 về việc yêu cầu hộ bà Võ Thị S, ông Võ Văn V và ông Võ Văn Đ phải di dời nhà và các vật kiến trúc khác trên đất để trả lại cho anh em các ông quyền sử dụng đất diện tích 870,8m^2, thuộc các thửa 536, 537, 538, 539, tờ bản đồ số 21, đất do hộ bà Võ Thị S, ông Võ Văn S đứng tên quyền sử dụng đất.

2/ Không chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn ông Phùng Văn Ng, ông Phùng Văn N1, ông Phùng Văn N2, ông Phùng Văn N3 và ông Phùng Văn N4 về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà Võ Thị S, ông Võ Văn S.

3/ Hộ bà Võ Thị S, hộ ông Võ Văn V và hộ ông Võ Văn Đ được tiếp tục sở hữu, sử dụng phần đất diện tích 870,8m^2. Trong đó:

- Hộ bà Võ Thị S được tiếp tục sở hữu, sử dụng phần đất diện tích 258,2m^2, thuộc các thửa 536 và 537, tờ bản đồ số 21, (Đất do hộ bà Võ Thị S đứng tên quyền sử dụng), theo các mốc 1- 2 – 3 -4-5-18-17-16-1 (theo mảnh trích đo địa chính số 20-2019, ngày 11/8/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Hồng N, nay là thành phố Hồng N).

- Hộ anh Võ Văn Đ được tiếp tục sở hữu, sử dụng phần đất diện tích 525,7m^2, thuộc các thửa 538 và 539, tờ bản đồ số 21, (Đất do hộ ông Võ Văn S đứng tên quyền sử dụng), theo các mốc 5-6-7-8-9-15-14-13-12-16-17-18-5 (theo mảnh trích đo địa chính số 20-2019, ngày 11/8/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Hồng N, nay là thành phố Hồng N).

- Hộ anh Võ Văn V được tiếp tục sở hữu, sử dụng phần đất diện tích 86,9m^2, thuộc các thửa 538 và 539, tờ bản đồ số 21 (Đất do hộ ông Võ Văn S đứng tên quyền sử dụng), theo các mốc 9-10-11-12-13-14-15-9 (theo mảnh trích đo địa chính số 20-2019, ngày 11/8/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Hồng N, nay là thành phố Hồng N).

3/ Về án phí và chi phí tố tụng:

* Về án phí:

- Buộc các nguyên đơn Phùng Văn N1, Phùng Văn N2, Phùng Văn N3, Phùng Văn N4 liên đới nộp 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án đã nộp 1.570.000đ, theo các biên lai thu số 0007205, ngày 05/6/2019 và biên lai số 0007324, ngày 09/9/2019. Các nguyên đơn được nhận lại số tiền 1.270.000đ (Một triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hồng Ngự (nay là thành phố Hồng Ngự). Riêng ông Phùng Văn Ng là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí theo quy định.

- Hộ bà Võ Thị S, hộ ông Võ Văn V và hộ ông Võ Văn Đ không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

* Về chi phí tố tụng: Các nguyên đơn ông Phùng Văn Ng, Phùng Văn N1, Phùng Văn N2, Phùng Văn N3, Phùng Văn N4 phải chịu tiền chi phí tố tụng tổng cộng là: 3.194.000đ (Ba triệu một trăm chín mươi bốn nghìn đồng), ông Phùng Văn N1 đại diện cho các nguyên đơn đã nộp và đã chi xong.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27 tháng 01 năm 2022 ông Phùng Văn Ng, ông Phùng Văn N1, ông Phùng Văn N2, ông Phùng Văn N3, ông Phùng Văn N4 là nguyên đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm số: 03/2022/DS-ST ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp. Ông Phùng Văn Ng, ông Phùng Văn N1, ông Phùng Văn N2, ông Phùng Văn N3, ông Phùng Văn N4 yêu cầu chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc yêu cầu các bị đơn trả lại quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho cụ Võ Văn S và bà Võ Thị S.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông V trình bày nội dung vụ án: Phần đất tranh chấp cụ S được cấp đất là theo chủ trương của Ủy ban nhân dân huyện Hồng N (nay là thành phố Hồng N). Tờ sang nhượng đất thổ cư ngày 08/10/1991 giữa gia đình cụ D với cụ C được lập sau ngày cụ S được cấp đất, Luật đất đai năm 1987 Nhà nước nghiêm cấm việc mua bán chuyển nhượng đất, nên Tờ sang nhượng đất thổ cư không có giá trị. Gia đình cụ S, bà S sử dụng liên tục, ổn định trên 30 năm, Ủy ban nhân dân huyện xác định việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ cụ S và hộ bà S đúng trình tự thủ tục theo quy định, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh, phát biểu việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự tham gia tố tụng chấp hành tốt quy định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết là không chấp nhận kháng cáo của ông Phùng Văn Ng, Phùng Văn N1, Phùng Văn N2, Phùng Văn N3, Phùng Văn N4.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cụ Vương Văn D (chết 1981) và cụ Trương Thị Th (chết 2003). Theo ông N1 vào khoảng 1950, cha mẹ cuả ông là cụ Phùng Văn C (chết 1999) và cụ Nguyễn Thị M (chết 2003) chuyển nhượng của cụ D và cụ Th phần đất ngang 20m, dài 325m, giá 6 chỉ vàng 24k, vàng 9,8 tuổi. Cụ D và cụ Th giao đất cho cha, mẹ ông là cụ C và cụ M quản lý sử dụng từ năm 1950 và đã trả cho cụ D và cụ Th được 04 chỉ vàng 24k, vàng 9,8 tuổi, còn lại 02 chỉ vàng 24k, ngày 05/10/1991 cụ Cập trả xong 02 chỉ vàng 24k vàng 9,8 tuổi, nên cụ Th và ông H5 có ký tên vào tờ sang nhượng đất thổ cư. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông N1 xác định là năm 1983 cụ Võ Văn S là cha của bà Võ Thị S, ông Võ Văn V, ông Võ Văn Đ bao chiếm, diện tích đo đạc thực tế 870,8m^2, quản ly, sử dụng cho đến nay. Gia đình ông N1 nhiều lần khiếu nại, nhưng không được xem xét giải quyết.

Bà S, ông V và ông Đ, cho rằng năm 1983 gia đình từ Campuchia về Việt Nam sinh sống, được nhà nước cấp đất và gia đình quản lý, sử dụng từ năm 1983 cho đến nay, nên không đồng ý trả lại đất cho các nguyên đơn.

Xét thấy, theo lời khai của các nhân chứng ông Vương Ngọc H5 (là con cụ D và cụ Th), ông Bùi Văn N5 ông Lê Văn S và ông Nguyễn Văn T1, đều xác định phần đất tranh chấp là của cụ Phùng Văn C nhận chuyển nhượng của cụ Vương Văn D và cụ Trương Thị Th.

Về phía bà S, ông V, ông Đ không xác định được nguồn gốc phần đất mà gia đình đang quản lý sử dụng, nhưng cho rằng năm 1983 cụ S được Nhà nước cấp đất, khi được cấp đất không có giấy tờ. Bà S, ông V, ông Đ có cung cấp đơn xin xác nhận về việc cấp đất thổ cư có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã An B, huyện Hồng N (nay là thành phố Hồng N) ngày 26/11/2000. Theo nội dung đơn xác nhận có ông Trần Văn Kh là Liên Tập đoàn trưởng, ông Dương Văn N6 là Bí thư Chi bộ ấp An Lợi đều xác nhận là năm 1983 Nhà nước có

chủ trương cấp đất ở cho các hộ không có đất ở. Ông Kh và ông N6 xác định là người cấp đất cho cụ S và ông Phạm Văn T2 là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã An B cũng xác định: Lúc đó (1983) có chủ trương của Ủy ban nhân dân Huyện là cấp đất thổ cư cho nhân dân.

Theo Công văn số 1469/UBND-HC ngày 18/6/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồng Ngự xác định: "...Thời điểm ông Phạm Văn T2 xác nhận (năm 1983) Ủy ban nhân dân huyện Hồng Ngự có chủ trương cấp đất thổ cư cho nhân dân...và thời điểm 1983, ông Võ Văn Sàng thuộc diện được cấp đất thổ cư theo chủ trương của Ủy ban nhân dân huyện Hồng Ngự".

Như vậy, mặc dù phần đất tranh chấp được xác định là của gia đình cụ C là cha của ông Nê, nhưng vào thời điểm năm 1983, Ủy ban nhân dân huyện Hồng Ngự có chủ trương cấp đất cho các hộ dân, trong đó có gia đình cụ S là cha của bà S, ông V, ông Đ được cấp diện tích đất theo đo đạc thực tế 870,8m^2 và quản lý, sử dụng cho đến nay, không phải bao chiếm như ông N1 trình bày.

Phần đất tranh chấp cụ S được cấp vào năm 1983, gia đình cụ S quản lý, sử dụng đến ngày 22/3/2000 được Ủy ban nhân dân huyện Hồng Ngự cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 6.975m^2 (trong đó thửa 152, diện tích 567m^2, đất ở nông thôn và thửa 302, diện tích 567m^2, đất nuôi trồng thủy sản, cùng tờ bản đồ số 21). Ngày 28/7/2006, cụ Sàng chuyển nhượng cho bà S diện tích 143m^2, đất ở nông thôn, thửa 537 (tách từ thửa 152) và diện tích 136m^2, đất nuôi trồng thủy sản, thửa 536 (tách từ thửa 302), cùng tờ bản đồ số 21. Phần đất còn lại ngày 31/8/2006, hộ cụ S được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 538 (302), diện tích 389m^2, đất nuôi trồng thủy sản và thửa 539 (152), diện tích 421m^2, đất ở nông thôn, tờ bản đồ 21.

Ông N1 cho rằng, từ năm 1983 gia đình nhiều lần khiếu nại việc gia đình cụ S bao chiếm đất, nhưng không được cơ quan có thẩm quyền giải quyết, và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ cụ S ngày 22/3/2000, ông N1 có cung cấp biên nhận đơn khiếu nại ngày 21/5/1996 (bản photo); phiếu chuyển phát nhanh ngày 01/12/2000 do ông N1 gởi Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hồng N và Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp (bản photo); phiếu chuyển đơn ngày 19/12/2000 của Văn phòng Ủy ban nhân huyện cho Ủy ban nhân dân xã An B (bản photo).

Theo ông Nguyễn Văn T1, vào thời điểm năm 1996, ông T1 là cán bộ Thanh tra của Ủy ban nhân dân xã An B có nhận đơn khiếu nại của ông N1 nội dung: Ông N1 khiếu nại ông Võ Văn S và Châu Khắc P1 bao chiếm đất trái phép, đơn của ông N1 chưa được xã giải quyết thì ông T1 được điều về ấp. Tuy nhiên, biên nhận đơn khiếu nại ngày 21/5/1996 của ông T1 không có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã An B, nên chưa đủ căn cứ xác định là ông N1 có

khiếu nại vào thời điểm năm 1996.

Về phía phiếu chuyển đơn ngày 19/12/2000 của Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện Hồng N cho Ủy ban nhân dân xã An B giải quyết tranh chấp đất thổ cư của ông N1, sau ngày cụ S được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (ngày 22/3/2000), đến ngày 20/12/2000 Ủy ban nhân dân xã An B Ban hành thông báo số 17/TB-UB, bác đơn khiếu nại của ông N1 về nội dung khiếu nại đối với ông S...giữ nguyên hiện trạng đất trên cho ông S sử dụng. Tại phiên tòa phúc thẩm ông N1 thừa nhận sau khi nhận thông báo bác đơn khiếu nại, ông N1 không có tiếp tục khiếu nại mà đến năm 2019 tiếp tục khởi kiện tranh chấp.

Tại Công văn số 804/UBND-HC ngày 12/6/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồng N xác định: "...Tại thời điểm làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Võ Văn S và hộ bà Võ Thị S vào năm 2000, Ủy ban nhân dân xã An B không nhận được đơn khiếu nại của anh, em ông Phùng Văn N1, nên Ủy ban nhân dân xã An B đã xác lập hồ sơ đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Võ Văn S, trên cơ sở đó cơ quan chuyên môn tham mưu Ủy ban nhân dân huyện Hồng N (nay là thành phố Hồng N), cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Võ Văn S ...".

Như vậy, trong suốt quá trình sử dụng từ năm 1983 đến khi cụ S được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (ngày 22/3/2000), thì gia đình ông N1 không có tranh chấp hoặc khiếu nại việc Ủy ban nhân dân xã An B thực hiện chủ trương của Ủy ban nhân dân huyện Hồng N cấp đất cho gia đình cụ S.

Khoản 2, Điều 2 Luật Đất đai năm 1993 quy định:...

2. Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã giao cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Khoản 2, Điều 10 Luật Đất đai năm 2003 và Khoản 5, Điều 26 Luật Đất đai năm 2013 quy định:

"Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo qui định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Nhà nước Công hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam".

Với những cơ sở trên, Án sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn yêu cầu bà S, ông V, ông Đ trả lại đất là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn về việc yêu cầu trả lại đất.

Xét, kháng cáo của các nguyên đơn yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng của cụ Võ Văn S và bà Võ Thị S. Xét thấy, theo Công văn số 1332/UBND-HC ngày 04/10/2019 của Ủy ban nhân dân thị xã Hồng N, (nay là thành phố Hồng N) xác định: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 536 và thửa 537 cho hộ bà Võ Thị S, cũng như thửa 538 và thửa 539 cấp cho hộ ông Võ Văn S là đúng trình tự thủ tục theo quy định, thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Võ Văn S và hộ bà S không có đo đạc thực tế và không có phát sinh tranh chấp. Đồng thời, việc các nguyên đơn yêu cầu bà S, ông Vô, ông Đ trả lại đất không có cơ sở. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ cụ S và bà S đúng quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các nguyên đơn.

Xét đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông V là không chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn. Xét thấy, cũng như phần nhận định trên đề nghị của Luật sư là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là không chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Phùng Văn Ng, ông Phùng Văn N1, ông Phùng Văn N2, ông Phùng Văn N3 ông Phùng Văn N4, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí: Ông Phùng Văn Ng là người cao tuổi có đơn xin miễn tiền án phí dân sự. Căn cứ khoản 1, Điều 12, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử thống nhất miễn án phí cho ông Ng.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo kháng nghị.

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm, nên ông Phùng Văn N1, ông Phùng Văn N2, ông Phùng Văn N3, ông Phùng Văn N4 phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2, Điều 2 Luật Đất đai năm 1993; Khoản 2, Điều 10 Luật Đất đai năm 2003 và Khoản 5, Điều 26 Luật Đất đai năm 2013; khoản 1, Điều 148; khoản 1, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của ông Phùng Văn Ng, ông Phùng Văn N1, ông Phùng Văn N2, ông Phùng Văn N3 và ông Phùng Văn N4.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2022/DS-ST ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự.

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Phùng Văn Ng, ông Phùng Văn N1, ông Phùng Văn N2, ông Phùng Văn N3 và ông Phùng Văn N4 về việc yêu cầu hộ bà Võ Thị S, ông Võ Văn V và ông Võ Văn Đ phải di dời nhà và các vật kiến trúc khác trên đất để trả lại cho anh em các ông quyền sử dụng đất diện tích 870,8m^2, thuộc các thửa 536, 537, 538, 539, tờ bản đồ số 21, đất do hộ bà Võ Thị S, ông Võ Văn Sg đứng tên quyền sử dụng đất.

2/ Không chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn ông Phùng Văn Ng, ông Phùng Văn N1, ông Phùng Văn N2, ông Phùng Văn N3 và ông Phùng Văn N4 về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà Võ Thị S, ông Võ Văn S.

3/ Về án phí:

Miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm cho ông Phùng Văn Ng.

Ông Phùng Văn N1, ông Phùng Văn N2, ông Phùng Văn N3 và ông Phùng Văn N4 phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phúc dân sự phúc thẩm của ông N1, ông N2, ông N3 và ông N4 là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006472 ngày 28/01/2022, được trừ vào tiền án phí.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND Tỉnh;
- TAND thành phố Hồng Ngự;
- CCTHADS thành phố Hồng Ngự;
- Phòng KTNV-THA TA Tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án (T).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚCTHẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tấn Tặng